

Bản án số: 56/2022/HS-ST

Ngày: 14-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Ông Phan Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Nhuận.

Ông Sùng A Xà.

Bà Đỗ Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 65/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Cà Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 3 năm 1995, tại huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn B, sinh năm 1972 và bà Lò Thị H, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/01/2022 và bị tạm giam từ ngày 24/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn T: Ông Nguyễn Trần D, Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/01/2022 Cà Văn T đến nhà Lương Văn Q trú tại bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên, qua trao đổi Q đặt vấn đề thuê T vận chuyển ma túy cho Q từ xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên về tỉnh Bắc Ninh và hứa sẽ trả công cho T số tiền 20 triệu đồng, T đồng ý. Ngày 21/01/2022 Q đi xe máy đến nhà T và giao cho T 01 túi nilon màu xanh bên trong có 02 gói ma túy dạng tinh thể màu trắng và số tiền 06 triệu đồng kèm theo hai số điện thoại 0386099161 và 0388003908 được ghi trên một mảnh giấy để T liên lạc với người nhận ma túy, sau khi nhận ma túy T mang về cất giấu tại nhà. Đến khoảng 19 giờ ngày 22/01/2022 T cho 02 gói ma túy vào ba lô du lịch đi bộ ra Quốc lộ 279 để đón xe khách và lên xe khách nhà xe Quỳnh H, biển kiểm soát 27B-001.06 chạy tuyến Điện Biên – Thái Bình và được nhà xe xếp giường nằm số 14 (trên xe chỉ có 02 hành khách). T để ba lô có chứa ma túy cạnh giường nằm của mình. Khi xe đi đến chân đèo P, KM 377+300 thuộc khu vực bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng toàn bộ vật chứng là 02 gói ma túy dạng tinh thể màu trắng, sau đó được xác định là ma túy loại Ketamine có tổng khối lượng là 1.826,2 gam và 01 điện thoại di động, 01 ba lô, 01 áo khoác, số tiền 4.400.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của Cà Văn T.

Tại bản Kết luận giám định số: 240/GĐ-PC09 ngày 26/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên, kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Cà Văn T là 1.826,2 gam.
- 02 (hai) mẫu tinh thể màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Cà Văn T gửi đến giám định là chất ma túy: Loại Ketamine.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKS-P1 ngày 26/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Cà Văn T để xét xử về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Cà Văn T phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cà Văn T tù chung thân.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cà Văn T.

Tại phiên tòa, bị cáo Cà Văn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên, không bổ sung thêm gì với bản bào chữa của người bào chữa cho bị cáo đồng thời không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người T hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người T hành tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, mặt khác số ma túy đã kịp thời bị thu giữ chưa phát tán ra ngoài xã hội, bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị xét xử về một tội danh nào khác, chưa bị xử lý hành chính nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Cà Văn T:

Tại phiên tòa, bị cáo Cà Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, bản kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Cà Văn T đã khai nhận: Do có quen biết với đối tượng tên là Lường Văn Q. Khi người này đặt vấn đề thuê vận chuyển ma túy từ xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên xuống tỉnh Bắc Ninh, người này hứa trả tiền công cho T số tiền là 20 triệu đồng (đã đưa trước cho T số tiền là 06 triệu đồng). Ngày 21/01/2022, T nhận ma túy và 06 triệu đồng cùng một mảnh giấy có ghi 02 số điện thoại để T liên lạc với người nhận. Ngày 22/01/2022 T đi xe khách nhà xe Quỳnh H chạy tuyến Điện Biên – Thái Bình, biển kiểm soát 27B-001.06 vận chuyển số ma túy đó để giao cho người nhận tại tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang. Khi đi đến chân đèo P, KM 377+300 thuộc khu vực bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng toàn bộ vật chứng là 02 gói ma túy dạng tinh thể màu trắng sau đó được xác định là ma túy loại Ketamine có tổng khối lượng là

1.826,2 gam và 01 điện thoại di động, 01 ba lô, 01 áo khoác, số tiền 4.400.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của Cà Văn T.

Bị cáo Cà Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Cà Văn T đã phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi vận chuyển trái phép 1.826,2 gam Ketamine của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

[2] Đánh giá về tính chất vụ án và hình phạt đối với bị cáo:

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Mặc dù ngoài lần phạm tội này bị cáo Cà Văn T chưa bị xét xử về tội danh nào khác và chưa bị xử lý vi phạm hành chính song bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện, muốn có nhiều tiền một cách nhanh chóng, nên đã thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Khối lượng ma túy bị cáo đã vận chuyển trái phép là rất lớn.

Để nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhất là tội phạm về ma túy. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo để lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

Về đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên đề nghị về xem xét áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì mặc dù bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải song tổng khối lượng ma túy mà bị cáo tham gia mua bán 1.826,2 gam Ketamine là đặc biệt lớn và đặc biệt nguy hiểm cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi bị bắt, bị cáo Cà Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Cà Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015:

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Do vậy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và đề nghị của người bào chữa chữa cho bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Đối với 1.817,44 gam Ketamine là vật chứng còn lại sau khi trích mẫu giám định và 01 chiếc ba lô du lịch màu đen đã thu giữ của bị cáo cần bị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 4.400.000 đồng bị cáo Cà Văn T khai là của Lường Văn Q đưa cho bị cáo. Tuy nhiên ngoài lời khai của bị cáo chưa có tài liệu nào khác chứng minh số tiền đó bị cáo đã nhận của Q; chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO đã thu giữ của bị cáo do bị cáo chưa sử dụng để liên lạc với người nhận ma túy cần trả lại cho bị cáo Cà Văn T.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Cà Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cà Văn T.

[8] Về các vấn đề khác:

Theo lời khai của bị cáo Cà Văn T đối với 02 số điện thoại 0386099161 và 0388003908 được ghi trên mảnh giấy, T đã chụp lại bằng điện thoại là đăng ký thuê bao của Đào Văn T, sinh năm 1988, trú tại số 1071, Ngô Gia T, tổ 10, Đức G, Long B, Hà Nội và đăng ký thuê bao Nguyễn Đức T, sinh năm 1993, cư trú tại: Thôn Đ, xã Phú G, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Lường Văn Q, sinh năm 1992 trú tại bản K, xã C, huyện T, theo T khai là người giao và thuê T vận chuyển ma túy, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập, xác minh nhưng đối tượng vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ nội dung cuộc điện thoại trao đổi việc vận chuyển trái phép chất ma túy giữa Cà Văn T với Lường Văn Q, nếu có đủ căn cứ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật trong vụ án này, thì T hành xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cà Văn T phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Cà Văn T tù chung thân.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 1.817,44 gam Ketamine là vật chứng còn lại sau khi trừ mẫu giám định.

- 01 ba lô du lịch màu đen, đỏ có in dòng chữ adidas đã cũ qua sử dụng thu giữ của Cà Văn T.

*** Trả lại cho bị cáo Cà Văn T:**

- 01 điện thoại loại cảm ứng màu đen nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng thu giữ của Cà Văn T.

- 01 phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên, được dán kín. Mặt trước của phong bì có dòng chữ: “Hoàn trả mẫu vật

giám định tiền vụ Cà Văn T theo Kết luận giám định số 282/KL-PC09 ngày 16/02/2022”. Tại bản kết luận giám định số 282/KL-PC09 ngày 16/02/2022, kết luận: 07 tờ mệnh giá 500.000 đồng là tiền thật, 09 tờ mệnh giá 200.000 đồng là tiền thật.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 26/5/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cà Văn T.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/6/2022).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên (PC 04);
- Bị cáo Cà Văn T;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I (Tòa án nhân dân tối cao);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn